

ĐKKD

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 8203/BKHĐT-ĐKKD

V/v ban hành Báo cáo đánh giá rủi ro rửa tiền
đối với pháp nhân thành lập và hoạt động theo
Luật Doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 475/QĐ-TTg ngày 30/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể cho đánh giá đa phương của Việt Nam về chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố về việc đánh giá rủi ro rửa tiền đối với pháp nhân thuộc lĩnh vực do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Quý Cơ quan xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố đối với pháp nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Báo cáo).

Ngày 29/10/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 7977/BKHĐT-ĐKKD gửi các bộ, ngành có liên quan (Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) để xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Báo cáo. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện và ban hành Báo cáo nêu trên.

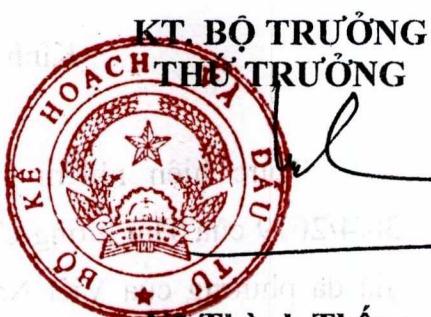
Báo cáo được xây dựng với mục tiêu đáp ứng Khuyến nghị số 24 của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) về tính minh bạch và quyền sở hữu hưởng lợi của pháp nhân, trong đó yêu cầu Việt Nam phải đánh giá các rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố gắn với các loại hình pháp nhân khác nhau được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo được xây dựng bao gồm 12 phần. Dựa trên các khuyến nghị và phương pháp luận của FATF, căn cứ vào mục đích, bối cảnh cũng như thông tin và số liệu của các loại hình pháp nhân quy định tại Luật Doanh nghiệp, Báo cáo đã đánh giá các nguy cơ và tính dễ bị tổn thương của từng loại hình pháp nhân, đánh giá về rủi ro tổng thể và hậu quả khi xảy ra rủi ro, cũng như đưa ra các khuyến nghị trong thời gian tới để giảm thiểu nguy cơ rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố có thể xảy ra đối với các pháp nhân này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Quý Cơ quan Báo cáo đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố đối với pháp nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Noi nhận:

- Như trên (kèm theo Báo cáo Đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố đối với pháp nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp);
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Các bộ: Công an, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ: Vụ Pháp chế; Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; Cục Đầu tư nước ngoài;
- Trung tâm tin học của Bộ (để đăng tải Báo cáo);
- Lưu: VT, ĐKKD.



Võ Thành Thống

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO RỬA TIỀN VÀ TÀI TRỢ KHỦNG BỐ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Công văn số 8203/BKHTT-ĐKKD ngày 06 tháng 11 năm 2019
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A. GIỚI THIỆU

1. Năm 2018, Việt Nam đã thực hiện Đánh giá rủi ro quốc gia (ĐGRRQG) trong đó có 09 lĩnh vực trọng tâm đã được đánh giá gồm: (1) rửa tiền; (2) mức độ tổn thương quốc gia; (3) mức độ tổn thương của lĩnh vực ngân hàng; (4) mức độ tổn thương của lĩnh vực chứng khoán; (5) mức độ tổn thương của lĩnh vực bảo hiểm; (6) mức độ tổn thương đối với các định chế tài chính khác; (7) mức độ tổn thương đối với ngành, nghề kinh doanh phi tài chính chỉ định; (8) rủi ro về tài trợ khủng bố; và (9) đánh giá rủi ro đối với sản phẩm tài chính toàn diện.

ĐGRRQG chưa đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố (RT/TTKB) đối với pháp nhân. Do vậy, báo cáo này được xây dựng nhằm đánh giá rủi ro RT/TTKB đối với pháp nhân thương mại thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

B. MỤC ĐÍCH

2. Mục đích của đánh giá này là nhằm xác định rủi ro RT/TTKB liên quan đến tất cả các loại pháp nhân tại Việt Nam thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, trừ rủi ro TTKB của tổ chức phi lợi nhuận (TCPLN) vì đối tượng này sẽ được đánh giá rủi ro riêng. Đánh giá này cũng không đánh giá rủi ro về các thỏa thuận pháp lý do nội dung này không thuộc phạm vi nghiên cứu.

3. Số liệu, phạm vi nghiên cứu, nội dung phân tích và các phát hiện nêu trong Đánh giá này dựa trên dữ liệu do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp. Ngoài ra, Đánh giá này có sử dụng thông tin, số liệu thống kê và tài liệu tham khảo trên internet, các tài liệu mô hình quốc tế, tham khảo ý kiến của chuyên gia Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

C. BỐI CẢNH

4. Khuyến nghị 24 của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) yêu cầu các quốc gia phải “*đánh giá rủi ro RT/TTKB liên quan đến các loại pháp nhân khác nhau được thành lập trong quốc gia đó*”. Điều này được nêu trong bản chú giải 24.2 (d) và trong phương pháp luận đánh giá.

5. Định nghĩa của FATF về pháp nhân:

Pháp nhân đề cập đến bất kỳ thực thể nào ngoài thể nhân có thể thiết lập mối quan hệ khách hàng lâu dài với tổ chức tài chính hoặc sở hữu tài sản riêng. Pháp nhân bao gồm các công ty, doanh nghiệp cổ phần, các quỹ, các tổ chức hợp nhất (anstalt), công ty liên danh, hoặc các hiệp hội và các thực thể tương tự khác.¹

D. PHÁP NHÂN

6. Ở Việt Nam, có 2 loại pháp nhân chính: (a) pháp nhân thương mại và (b) pháp nhân phi thương mại. Đánh giá rủi ro này tập trung vào pháp nhân thương mại thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các loại pháp nhân thương mại tại Việt Nam được đánh giá trong Báo cáo này gồm có: (a) công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (MLLC), (b) công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (SLLC), (c) công ty cổ phần (SC), (d) Công ty hợp danh và (e) doanh nghiệp tư nhân thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

7. Khung pháp lý của Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Luật Doanh nghiệp) chỉ phân loại hai loại cổ phần: a) cổ phần phổ thông và b) cổ phần ưu đãi (có quyền đặc biệt). Cổ phiếu vô danh không tồn tại trong khung pháp lý của Việt Nam.

¹FATF Từ điển, trang 158.

Bảng 1. Loại hình doanh nghiệp.²

Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên (tối đa 50 thành viên)	Công ty CP
Nhà đầu tư		
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nhà đầu tư duy nhất có thể là một tổ chức hoặc một cá nhân. ➤ Không thể niêm yết. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Hai hoặc nhiều nhà đầu tư (được gọi là thành viên) có thể là tổ chức hoặc cá nhân. ➤ Số thành viên không quá 50. ➤ Không thể niêm yết. 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Ba hoặc nhiều nhà đầu tư (không hạn chế số lượng tối đa) có thể là tổ chức hoặc cá nhân ➤ Có thể là một công ty đại chúng (có hơn 100 cổ đông hoặc đã thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng) và do đó phải đáp ứng yêu cầu về công bố thông tin cao hơn và các yêu cầu khác theo quy định của Luật Chứng khoán ➤ Có thể niêm yết.
Vốn điều lệ		
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Vốn điều lệ - là vốn mà nhà đầu tư đã góp, hoặc cam kết đóng góp, trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ➤ Không được quyền phát hành cổ phần ➤ Tùy điều kiện, có 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Vốn điều lệ - là vốn mà nhà đầu tư đã góp, hoặc cam kết đóng góp, trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. ➤ Không được quyền phát hành cổ phần ➤ Tùy điều kiện, có thể phát hành trái phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Vốn điều lệ - được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần, phải được thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp thông thường, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

²Nguồn: Hướng dẫn pháp lý để đầu tư ở Việt nam, 2017 (Legal Guide to Investment in Vietnam, 2017) (www.vietnamlaws.com). truy cập ngày 9/19/19.

thể phát hành trái phiếu để tăng vốn, nhưng ko phải trái phiếu chuyển đổi	để tăng vốn, nhưng ko phải trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Phải có cổ phần phổ thông và có thể có cổ phần ưu đãi, bao gồm cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại hình khác được quy định trong điều lệ. ➤ Tùy điều kiện, có thể phát hành trái phiếu để tăng vốn, bao gồm cả trái phiếu chuyển đổi
---	--	---

Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp

<p>Khi nhà đầu tư chuyển nhượng một phần vốn điều lệ, Cty TNHH 1TV phải đăng ký chuyển đổi thành Cty TNHH 2TV trở lên</p> <p>➤ Thành viên nhận chuyển nhượng phải được đăng ký, cập nhật trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Một nhà đầu tư muốn chuyển nhượng toàn bộ, hoặc một phần vốn góp của mình trước tiên phải đề nghị bán phần vốn góp đó cho tất cả các nhà đầu tư khác theo tỷ lệ. ➤ Bên chuyển nhượng không còn quyền và nghĩa vụ thành viên khi bên nhận chuyển nhượng được ghi danh trong sổ đăng ký thành viên. ➤ Thành viên nhận chuyển nhượng cũng phải được ghi danh trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh 	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Cổ phần có thể được chuyển nhượng tự do (trừ khi chịu một số hạn chế nhất định đối với các cổ đông sáng lập trong ba năm đầu tiên, hoặc bị hạn chế theo điều lệ hoặc luật pháp). ➤ Cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết ➤ Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ được hoàn thành vào ngày cổ đông mới được đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông công ty do công ty quản lý.
---	---	--

	nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh cấp.	
--	---	--

8. Công ty hợp danh là một doanh nghiệp có ít nhất hai (2) thành viên là chủ sở hữu chung. Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.³

9. Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Giống như công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân không được phép phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc thành viên công ty hợp danh. Doanh nghiệp tư nhân cũng không được quyền góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.⁴

10. Tất cả các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp phải được đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh, theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

11. Tính đến cuối năm 2018, có 537.830 doanh nghiệp đã được đăng ký thành lập mới tại Việt Nam trong giai đoạn 2014-2018. Trong 10 tháng đầu năm 2019, có 114.456 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Bảng 2: Số lượng doanh nghiệp mới thành lập theo loại hình doanh nghiệp từ 2014 đến 2018

Loại hình	Số doanh nghiệp thành lập mới				
	2014	2015	2016	2017	2018
Công ty TNHH một thành viên	36.372	48.362	59.848	73.118	77.897

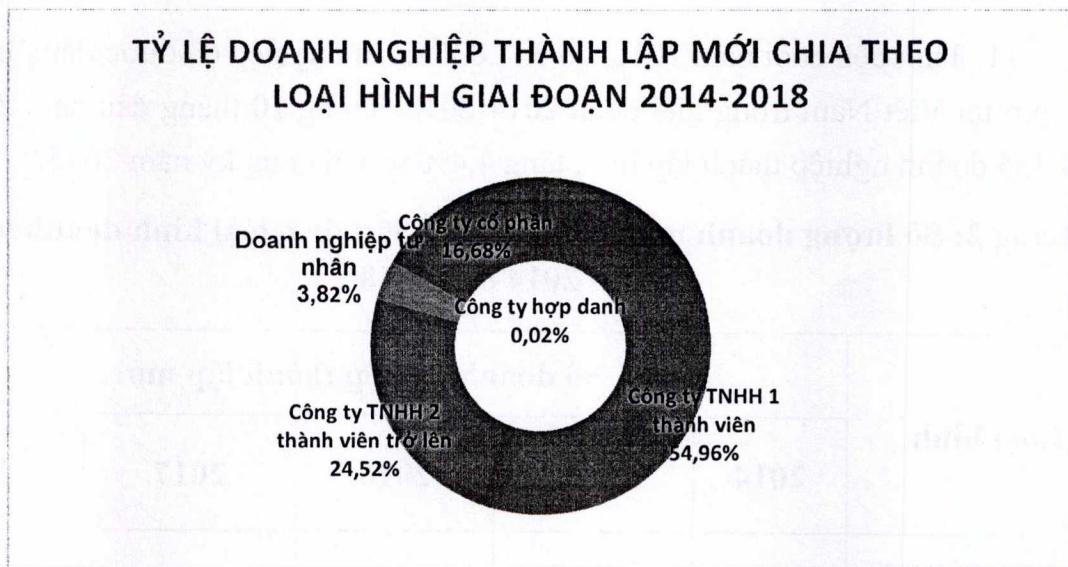
³ Điều 172. Chương VI, Luật Doanh nghiệp.

⁴ Ibid. Điều 183, Chương VII

Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	20.452	25.060	27.685	29.389	29.287
Doanh nghiệp tư nhân	5.970	5.345	4.295	3.133	1.820
Công ty cổ phần	12.034	15.971	18.256	21.197	22.255
Công ty hợp danh	14	16	16	22	16
Tổng	74.842	94.754	110.100	126.859	131.275
Tổng 2014-2018			537.830		

12. Trong giai đoạn 2014-2018, công ty TNHH một thành viên chiếm 54,96%, trong khi công ty TNHH 2 thành viên trở lên chiếm 24,52%. Các công ty cổ phần (bao gồm cả công ty niêm yết công khai trên sàn giao dịch chứng khoán) chiếm 16,68%. Các doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh tổng cộng chiếm 3,84%.

Biểu đồ 1



13. Các doanh nghiệp mới thành lập tập trung vào một số lĩnh vực điển hình như: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và các phương tiện cơ giới khác (khoảng 34,4%); xây dựng (khoảng 13,4%); sản xuất (khoảng 12,2%); và các lĩnh vực chuyên ngành, khoa học và kỹ thuật (khoảng 7,5%).

14. Đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có một mã số định danh duy nhất được cấp bởi Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Điều 30 Luật doanh nghiệp). Mã số định danh doanh nghiệp sẽ giúp cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến chủ sở hữu của doanh nghiệp. Các thông tin về doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp bắt buộc phải được đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

15. Điều 27 Luật Doanh nghiệp quy định về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; Điều 28 quy định việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều 29 quy định về nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liệt kê một số thông tin cơ bản về pháp nhân, bao gồm địa chỉ, người đại diện theo pháp luật (đối với công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn), thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh), chủ doanh nghiệp tư nhân và tên và các chi tiết có liên quan của các cá nhân hoặc tổ chức là thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn. Khoản 4, Điều 29 cũng yêu cầu vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

16. Điều 33 Luật Doanh nghiệp quy định việc công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trong đó nêu rõ doanh nghiệp phải công bố thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin được công bố phải bao gồm tất cả thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về: ngành, nghề kinh doanh; danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần. Khoản 2, Điều 34 Luật Doanh nghiệp cho phép bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đều có quyền yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin mà doanh nghiệp phải công khai theo quy định của pháp luật. Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp quy định chi tiết về đăng ký doanh nghiệp và Điều 35 của Nghị định này quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

17. Tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, người dùng công cộng có thể tìm kiếm thông tin chi tiết về doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp, bao gồm tên đầy đủ, ngày sinh, giới tính và số giấy chứng thực cá nhân. Cổng thông tin này có thể cung cấp thông tin về lịch sử doanh nghiệp trong vòng

03 năm gần nhất. Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cũng có thể cung cấp danh sách các doanh nghiệp mà một cá nhân đã thành lập và/hoặc quản lý trong 3 năm gần nhất.

18. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế phải thực hiện quy trình gồm 2 bước: 1) Họ phải đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (IRC); 2) Nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ERC).

19. Việt Nam tiếp tục thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng tăng. Tính lũy kế đến ngày 20/06/2019, Việt Nam có 28.954 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 351,66 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 200,5 tỷ USD, bằng 57% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực.

20. Pháp nhân phi thương mại là những tổ chức có mục đích hoạt động chính không vì lợi nhuận và lợi nhuận có thể không được chia cho các thành viên (Điều 76 Bộ Luật Dân sự). Các loại hình pháp nhân phi thương mại được quy định trong các nghị định, cụ thể:

a. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2010, quy định khuôn khổ pháp lý về tổ chức, hoạt động và quản lý;

b. Nghị định số 12/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, quy định khuôn khổ pháp lý về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

c. Nghị định số 30/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2012, quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

d. Luật Khoa học và Công nghệ;

e. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật về Khoa học và Công nghệ;

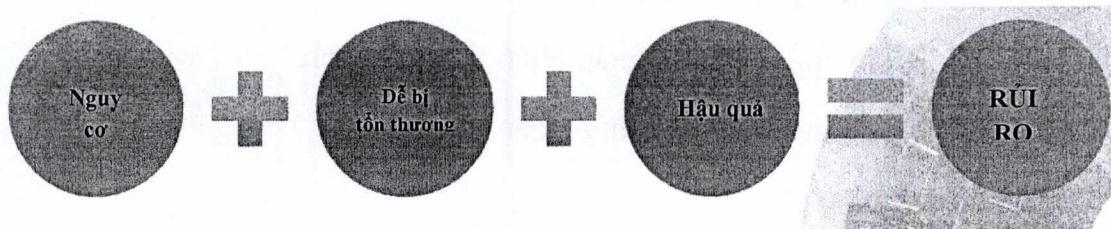
f. Luật tín ngưỡng tôn giáo 2016;

g. Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật tín ngưỡng tôn giáo.

21. Rủi ro TTKB của các TCPLN không đánh giá trong báo cáo này mà được đề cập trong đánh giá riêng biệt.

E. PHƯƠNG PHÁP LUẬN

22. Phương pháp luận được sử dụng tuân theo ba giai đoạn chính theo hướng dẫn của FATF, nhận dạng, xác định và đánh giá.



23. Một số thuật ngữ chính được sử dụng trong quá trình đánh giá được xác định dưới đây:

- **Nguy cơ** - Người hoặc hoạt động có khả năng gây hại. Các nguy cơ rửa tiền bao gồm các tội phạm nguồn và tội phạm hình sự thực hiện hành vi phạm tội, trong khi nguy cơ về tài trợ khủng bố bao gồm các nhóm và các cá nhân thực hiện hoạt động khủng bố.
- **Dễ bị tổn thương** – Tất cả những điểm yếu có thể bị lợi dụng. Tính dễ tổn thương có thể được giảm thiểu thông qua các biện pháp phòng ngừa.
- **Hậu quả** - Tác động hoặc tác hại của hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố có thể gây ra, bao gồm sự ảnh hưởng của hoạt động phạm tội và khủng bố đối với hệ thống tài chính và các tổ chức tài chính.
- **Rủi ro** – Kết quả của sự kết hợp các yếu tố nguy cơ, tính dễ bị tổn thương và hậu quả. Có thể xem xét, đổi chiều rủi ro cố hữu bên cạnh các biện pháp giảm thiểu rủi ro để đưa ra đánh giá về mức rủi ro cuối cùng.

24. Có 3 mức đánh giá (Cao, Trung bình hoặc Thấp) được sử dụng để xác định mức độ đe dọa về RT và tính dễ bị tổn thương của pháp nhân, trước khi đánh giá hậu quả và xác định được rủi ro RT/TTKB.

F. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN

I. Phương pháp luận đánh giá nguy cơ

25. Nội dung đánh giá nguy cơ xem xét việc lợi dụng các pháp nhân như một kênh rửa tiền và tài trợ khủng bố. Có các mức độ đánh giá như sau:

Cấp độ 1 – Khả năng lợi dụng pháp nhân là thấp.

Cấp độ 2 – Khả năng lợi dụng pháp nhân là trung bình.

Cấp độ 3 – Khả năng lợi dụng pháp nhân là cao.

II. Bài học quốc tế

26. Trên cộng đồng quốc tế, dựa trên các báo cáo mô hình và báo cáo của FATF- Egmont⁷ về xu hướng che giấu chủ sở hữu hưởng lợi (chủ sở hữu ẩn danh – beneficial owner), tội phạm thường sử dụng một loạt các kỹ xảo và cơ chế để che giấu quyền sở hữu và kiểm soát tài sản có được bất hợp pháp. Để xác định chủ sở hữu thực sự hoặc (các) cá nhân thực hiện quyền kiểm soát là một thách thức lớn đối với các công tố viên, cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan tình báo toàn cầu. Nhiều cơ chế/kỹ xảo phổ biến đã được FATF tổng hợp trong các báo cáo nghiên cứu trước đây, bao gồm Hướng dẫn của FATF 2014 về tính minh bạch và sở hữu ẩn danh. Theo Hướng dẫn của FATF, thông tin về chủ sở hữu ẩn danh thường bị che giấu thông qua việc sử dụng:

- a. Các công ty vỏ bọc, đặc biệt là trong trường hợp chủ sở hữu nước ngoài được đặt tại nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ.
- b. Các công ty có cấu trúc sở hữu và kiểm soát phức tạp.
- c. Cổ phiếu vô danh và giấy chứng nhận cổ phiếu vô danh, không hạn chế số người giữ vị trí giám đốc.

⁷ P22-25, FATF=Egmont Report Concealment of Beneficial Ownership, July 2018

d. Cổ đông và giám đốc danh nghĩa có tư cách chính thức, nhưng nhân thân của cổ đông thật sự không được tiết lộ.

e. Cổ đông và giám đốc danh nghĩa không chính thức, ví dụ như cộng sự và người trong gia đình.

f. Các bên trung gian trong việc thành lập pháp nhân (công ty thực hiện dịch vụ pháp lý thành lập doanh nghiệp).

27. Nhìn chung, các kỹ xảo chính mà tội phạm thường sử dụng để che giấu chủ sở hữu hưởng lợi có thể được phân loại theo ba phương pháp:

a) **Tạo ra cơ cấu sở hữu và kiểm soát doanh nghiệp phức tạp** thông qua việc sử dụng pháp nhân và thỏa thuận pháp lý (legal arrangements), đặc biệt đối với những giao dịch diễn ra trên nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ.

b) **Sử dụng các cá nhân và công cụ tài chính để che giấu mối quan hệ giữa chủ sở hữu hưởng lợi và tài sản**, bao gồm cổ phiếu vô danh, giám đốc/cổ đông danh nghĩa, các trung gian thực hiện dịch vụ pháp lý thành lập doanh nghiệp, và

c) **Hoạt động làm giả giấy tờ** thông qua việc sử dụng các khoản vay giả, hóa đơn giả và làm khống chứng từ, làm giả tài liệu, hồ sơ cá nhân.

III. Thực trạng Việt Nam

28. Cơ quan thực thi pháp luật đã ghi nhận một đặc điểm về rửa tiền là lợi dụng các pháp nhân để che giấu chủ sở hữu hưởng lợi hoặc nguồn tiền bất hợp pháp. Sau đây là số liệu thống kê do Bộ Công an cung cấp về các cuộc điều tra liên quan đến pháp nhân thương mại thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp của lực lượng Cảnh sát kinh tế - Bộ Công an (là lực lượng có thẩm quyền tiến hành điều tra các vụ án về tội phạm nguồn có tỷ lệ lớn liên quan đến pháp nhân thương mại).

Bảng 3a: Số liệu điều tra của cơ quan công an

Năm	Số vụ án được khởi tố của lực lượng CSKT		Số vụ án được đề nghị truy tố của lực lượng CSKT		Số vụ án được khởi tố của Cục Cảnh sát kinh tế		Số vụ án được đề nghị truy tố của Cục Cảnh sát kinh tế		Tài sản do Cục Cảnh sát kinh tế thu hồi (tỷ đồng)
	Vụ án	Người bị buộc tội	Vụ án	Người bị buộc tội	Vụ án	Người bị buộc tội	Vụ án	Người bị buộc tội	
2014	1.931	2.819	694	721	26	79	19	80	2.000
2015	2.023	3.154	841	895	37	64	39	241	2.095
2016	1.774	2.673	1.337	2.510	34	105	56	433	12.222
2017	1.611	2.293	984	2.307	26	208	57	377	21.803
2018	2.668	3.209	1.654	3.162	22	54	19	160	25.000
Tổng	10.007	14.148	5.510	9.595	145	510	190	1.291	63.120

Bảng 3b: Số liệu điều tra pháp nhân của cơ quan công an chia theo loại hình

Loại hình doanh nghiệp		Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Công ty cổ phần	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh	TỔNG
2014	Số vụ án khởi tố của lực lượng CSKT	-	-	-	-	-	1.931
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của lực lượng CSKT	656	1376	1001	95	0	3128

	Số vụ án khởi tố của Cục CSKT	-	-	-	-	-	26
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của Cục CSKT	16	45	26	6	0	93
2015	Số vụ án khởi tố của lực lượng CSKT	-	-	-	-	-	2.023
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của lực lượng CSKT	898	2236	1767	298	0	5199
	Số vụ án khởi tố của Cục CSKT	-	-	-	-	-	37
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của Cục CSKT	23	67	37	16	0	143
2016	Số vụ án khởi tố của lực lượng CSKT	-	-	-	-	-	1.774
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của lực lượng CSKT	756	2017	1303	128	0	4204
	Số vụ án khởi tố của Cục CSKT	-	-	-	-	-	34
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của Cục CSKT	25	55	30	11	0	121
2017	Số vụ án khởi tố của lực lượng CSKT	-	-	-	-	-	1.611
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của lực lượng CSKT	585	1896	827	139	0	3447
	Số vụ án khởi tố	-	-	-	-	-	26

	của Cục CSKT					
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của Cục CSKT	17	57	26	7	0
2018	Số vụ án khởi tố của lực lượng CSKT	-	-	-	-	2.668
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của lực lượng CSKT	1115	3084	2034	330	0
	Số vụ án khởi tố của Cục CSKT	-	-	-	-	22
	Số lượng pháp nhân bị điều tra của Cục CSKT	19	45	25	13	0

Theo số liệu điều tra nêu trên, có thể thấy tỷ lệ các cuộc điều tra pháp nhân của lực lượng Cảnh sát kinh tế có liên quan đến loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên là cao nhất, chiếm 47,08%, tiếp đến là công ty cổ phần chiếm 30,62%, công ty TNHH một thành viên chiếm 17,79%, doanh nghiệp tư nhân chiếm 4,51%, công ty hợp danh không có liên quan đến cuộc điều tra nào

29. Tương tự, số liệu giao dịch đáng ngờ (STR) về pháp nhân dưới đây đã được Cục Phòng, chống rửa tiền (AMLD) cung cấp. Theo đó, AMLD đã nhận được 1.208 STR trong giai đoạn 2014-2018, trong đó liên quan đến 2.166 tổ chức Việt Nam và 15 tổ chức nước ngoài. Trong số này, 892 STR đã được chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền, với 10 STR liên quan đến pháp nhân nước ngoài.

Bảng 4a: STR về pháp nhân

Năm	STR nhận được	Tổng số các pháp nhân có liên quan đến STR
2014	179	353
2015	211	739

2016	236	374
2017	288	349
2018	294	366
Tổng số	1.208	2.181

Bảng 4b: Chi tiết các pháp nhân liên quan đến STR chia theo từng loại hình

Năm	Số lượng pháp nhân liên quan đến báo cáo STR	Công ty cổ phần	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	Doanh nghiệp tư nhân	Công ty hợp danh
2014	353	86	63	182	22	0
2015	739	173	135	399	32	0
2016	374	108	72	189	5	0
2017	349	95	53	198	3	0
2018	366	81	59	219	7	0

30. Theo số liệu thống kê trong giai đoạn 2014-2018 nêu trên, có thể thấy, số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên chiếm số lượng lớn nhất (chiếm 54,4%), tiếp đến là công ty cổ phần (chiếm 24,9%), công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chiếm 17,5%) và doanh nghiệp tư nhân (chiếm 3,2%).

31. Bộ Công an đã cung cấp phản hồi chung từ các cuộc điều tra của họ về pháp nhân. Theo thông tin từ các cuộc điều tra của Bộ Công an, các công ty vi phạm chủ yếu là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ở mức độ cao hơn các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Có một số ít các trường hợp vi phạm của pháp nhân khác. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn quốc tế. Do đó, đối với Việt Nam, các điểm yếu, lỗ hổng có thể có là việc sử dụng các cá nhân thông qua các thỏa thuận đứng tên để che giấu mối quan hệ giữa chủ sở hữu ẩn danh và tài sản, bao gồm cả việc sử dụng các cấu trúc kiểm soát

và sở hữu phức tạp. Các thỏa thuận đứng tên hộ có thể là qua mối quan hệ với các công sự thân thiết như nhân viên, không nhất thiết phải là thành viên gia đình. Hiện nay, cổ phiếu vô danh không được chấp nhận tại Việt Nam và việc sử dụng các dịch vụ như cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ đại diện cho công ty, dịch vụ ủy thác đầu tư...chưa phổ biến tại Việt Nam.

32. Nguy cơ RT về bản chất là hiện hữu ở cả trong và ngoài nước do tính chất xuyên biên giới của các nguy cơ về tội phạm nguồn tại Việt Nam theo ĐGRRQG. Những loại tội phạm này cũng liên quan đến các nhóm tội phạm có tổ chức và xuyên quốc gia.

33. Tính đến 20/6/2019, các đối tác đầu tư lớn là: Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký 64,55 tỷ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư), Nhật Bản đứng thứ hai với 57,9 tỷ USD (chiếm 16,5% tổng vốn đầu tư), tiếp theo lần lượt là Singapore và Đài Loan, Hồng Kông.

34. Về nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến pháp nhân, số liệu thống kê trong giai đoạn 2014-2018 cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Bảng 5: Số cá nhân/tổ chức nước ngoài góp vốn vào doanh nghiệp

Pháp nhân	Số cá nhân/tổ chức nước ngoài góp vốn
Công ty cổ phần	5.400 (12.29%)
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	14.944 (34.01%)
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	23.593 (53.7%)
Tổng	43.937

35. Đối với số lượng cá nhân/tổ chức góp vốn vào các doanh nghiệp Việt Nam, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản là những quốc gia dẫn đầu với tỷ lệ lần lượt là 25,6 % 17,76 % và 11,37 %.

Bảng 6.
5 quốc gia, vùng lãnh thổ có số lượng cá nhân/tổ chức góp vốn nhiều nhất vào các doanh nghiệp Việt Nam

Pháp nhân	Số lượng cá nhân/tổ chức nước ngoài góp vốn	Tỷ lệ %
Hàn Quốc	11248	25,6
Công ty TNHH một thành viên	4484	10,2
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	5763	13,12
Công ty cổ phần	1001	2,28
Trung Quốc	7804	17,76
Công ty TNHH một thành viên	2396	5,45
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	4595	10,46
Công ty cổ phần	813	1,85
Nhật Bản	4994	11,37
Công ty TNHH một thành viên	2189	4,98
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	2062	4,69
Công ty cổ phần	743	1,69
Dai Loan (Trung Quốc)	3052	6,95
Công ty TNHH một thành viên	307	0,7
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	2367	5,39
Công ty cổ phần	378	0,86
Singapore	2662	6,06
Công ty TNHH một thành viên	1256	2,86
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	908	2,07
Công ty cổ phần	498	1,13

36. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao về pháp lý và bị FATF theo dõi chiếm tỷ lệ 0,34% trên tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ có cá nhân, tổ chức tham gia góp vốn vào doanh nghiệp tại Việt Nam

Bảng 7. Các quốc gia/vùng lãnh thổ có rủi ro cao và bị FATF⁹ theo dõi

Pháp nhân	Số lượng cá nhân/tổ chức nước ngoài góp vốn	Tỷ lệ %
Sri Lanka	45	0,1
Công ty TNHH một thành viên	7	0,01
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	37	0,08
Công ty cổ phần	1	0,002

⁹ Danh sách này loại trừ các khu vực có chủ nghĩa khủng bố, như Syria, Iran và Pakistan.

Campuchia	44	0,1
Công ty TNHH một thành viên	11	0,03
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	21	0,05
Công ty cổ phần	12	0,03
Yemen	17	0,04
Công ty TNHH một thành viên	4	0,009
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	12	0,03
Công ty cổ phần	1	0,002
Triều Tiên	21	0,05
Công ty TNHH một thành viên	14	0,03
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	5	0,01
Công ty cổ phần	2	0,005
Panama	7	0,01
Công ty TNHH một thành viên	5	0,01
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	1	0,002
Công ty cổ phần	1	0,002
Ghana	6	0,01
Công ty TNHH một thành viên	1	0,002
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	5	0,01
Bahamas	4	0,009
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	4	0,009
Ethiopia	4	0,009
Công ty TNHH một thành viên	1	0,002
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	0,006
Tổng cộng	148	0,34

37. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao về TTKB chiếm 1,67% trên tổng số các quốc gia, vùng lãnh thổ có cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn vào doanh nghiệp tại Việt Nam

**Bảng 8. 05 quốc gia, vùng lãnh thổ có chủ nghĩa khủng bố cao nhất
(dựa trên Chỉ số khủng bố toàn cầu năm 2017)**

Pháp nhân	Số lượng cá nhân/tổ chức nước ngoài góp vốn	Tỷ lệ %
Iraq	9	0,02
Công ty TNHH một thành viên	2	0,004
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	7	0,01
Afghanistan	26	0,06
Công ty TNHH một thành viên	5	0,01

Công ty TNHH hai thành viên trở lên	19	0,04
Công ty cổ phần	2	0,004
Nigeria	549	1,25
Công ty TNHH một thành viên	30	0,07
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	519	1,18
Cộng hòa Ả Rập Syria	5	0,01
Công ty TNHH một thành viên	1	0,002
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	4	0,009
Pakistan	146	0,33
Công ty TNHH một thành viên	37	0,08
Công ty TNHH hai thành viên trở lên	107	0,24
Công ty cổ phần	2	0,004
Tổng cộng	735	1,67

38. Quốc gia của nhà đầu tư là người không thường trú: Trong giai đoạn từ 2013 đến 2018, AMLD đã nhận được 13 yêu cầu cung cấp thông tin về pháp nhân từ các tổ chức nước ngoài; 7 yêu cầu đến từ Hàn Quốc và 4 từ Nhật Bản. Điều này phù hợp với thực tế do các nước này đầu tư vào Việt Nam nhiều nhất và là đối tác thương mại lớn của Việt Nam.

IV. Đánh giá nguy cơ

39. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam như mô tả trên đây, đánh giá nguy cơ RT được cung cấp trong bảng dưới đây. Nhìn chung, nguy cơ có nguồn gốc trong nước nhiều hơn là nước ngoài, và chủ yếu tập trung vào các công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên. Sự liên quan đến các quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao hoặc các trung tâm nước ngoài là rất hạn chế, ví dụ: Quần đảo Cayman, Panama (7 công ty). Nhìn chung, Việt Nam không được coi là một quốc gia hấp dẫn để thành lập công ty do các quy định pháp lý bao gồm việc ghi danh người sáng lập doanh nghiệp, các quy định chặt chẽ đối với đầu tư nước ngoài và hạn chế về ngôn ngữ, Việt Nam không dùng tiếng Anh là ngôn ngữ bản địa.

Bảng 9. Xếp hạng nguy cơ rửa tiền

(1) Khả năng tiềm ẩn sử dụng như công ty vỏ bọc (2) sử dụng cấu trúc doanh nghiệp phức tạp và giám đốc danh nghĩa (3) các hình thức lợi dụng tổ chức của doanh nghiệp khác như các hoạt động sai phạm	Điểm số	Xếp hạng
Công ty TNHH một thành viên	2	Trung bình
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	2	Trung bình
Doanh nghiệp tư nhân	1	Thấp
Công ty cổ phần	2	Trung bình
Công ty hợp danh	1	Thấp
Điểm số trung bình tổng thể	1.6	Trung bình

40. Đối với TTKB, không có trường hợp nào bị kết án, điều tra hoặc chuyển giao thông tin tình báo liên quan đến pháp nhân, kể cả đối với các TCPLN, do đó, nguy cơ TTKB được đánh giá ở mức thấp.

G. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ BỊ TỐN THƯƠNG CỦA PHÁP NHÂN

I. Phương pháp luận đánh giá nguy cơ tổn thương

41. Các yếu tố được xem xét để đánh giá mức độ tổn thương như sau:

a. *Quy mô*. Đánh giá tần suất biến động và quy mô tài chính của pháp nhân so với các pháp nhân khác trong nước. Về mặt quy mô, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số lượng đăng ký cao nhất, do đó có nguy cơ cao hơn. Tiếp theo là công ty cổ phần.

b. *Chủ sở hữu hưởng lợi* (chủ sở hữu ẩn danh)- *cổ phiếu vô danh*. Đánh giá sự tồn tại của cổ phiếu vô danh, hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro và sự sẵn có của số liệu thống kê trong nước và quốc tế về tình trạng bị lợi dụng của những đối tượng RT/TTKB.

c. *Chủ sở hữu hưởng lợi – yếu tố kiểm soát của nước ngoài và quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao*. Đánh giá mức độ sở hữu của pháp nhân không cư trú, tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro và số liệu trong nước và quốc tế

về tình trạng lợi dụng của những đối tượng RT/TTKB. Yếu tố này cũng xem xét đến các quốc gia – vùng lãnh thổ của đối tượng khách hàng là người không cư trú, đặc biệt là những đối tượng đến từ quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao.

d. *Chủ sở hữu hưởng lợi - quyền sở hữu phức tạp/không rõ ràng*. Đánh giá mức độ sở hữu phức tạp/không rõ ràng, tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro và và sự sẵn có của số liệu thống kê trong nước và quốc tế về tình trạng lạm dụng của những đối tượng RT/TTKB.

e. *Mối quan hệ giữa chủ sở hữu hưởng lợi – cá nhân đại diện trên danh nghĩa*. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của những đối tượng đứng tên (giám đốc, cổ đông danh nghĩa), tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu rủi ro và và sự sẵn có của số liệu thống kê trong nước và quốc tế về tình trạng lợi dụng của những đối tượng RT/TTKB.

II. Bài học từ quốc tế

42. Báo cáo chung của FATF-Egmont xác định một số đặc điểm khiến pháp nhân dễ bị tội phạm lợi dụng để che giấu chủ sở hữu ẩn danh. Trong số đó có việc sử dụng các loại doanh nghiệp trên danh nghĩa và tạo ra những mạng lưới sở hữu chồng chéo, phức tạp. 3 nguy cơ chính là việc sử dụng cổ phiếu vô danh, cổ đông hoặc giám đốc danh nghĩa và các cơ cấu tổ chức phức tạp, chồng chéo của doanh nghiệp.

III. Thực tiễn tại Việt Nam

43. Như đã đề cập, đánh giá tính dễ bị tổn thương xem xét việc giám sát theo quy định, các biện pháp kiểm soát nội bộ như quy trình, thủ tục và thực tiễn của ngành và các biện pháp kiểm soát hoạt động khác. Các yếu tố được xem xét để đánh giá tính dễ bị tổn thương như sau:

44. Giám sát quy định: Luật Doanh nghiệp không quy định về cổ phiếu vô danh, và không có quy định về các thỏa thuận pháp lý. Do vậy, không có cơ sở để có thể giả định rằng các thỏa thuận đứng tên trên giấy tờ có tồn tại, có thể là đứng tên có căn cứ chính thức thông qua các thỏa thuận hợp đồng hoặc không chính thức thông qua các thành viên gia đình hoặc các cộng sự thân thiết. Luật Doanh nghiệp cũng cho phép cả pháp nhân và thẻ nhân được sở hữu doanh nghiệp, kể cả đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

45. Luật Doanh nghiệp Việt Nam quy định doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh các thông tin về chủ sở hữu vốn (thành viên, cổ đông sáng lập, chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh) và người quản lý doanh nghiệp (Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc, ban kiểm soát, kiểm soát viên). Các công ty cổ phần có các yêu cầu pháp lý chặt chẽ hơn, đặc biệt là đối với các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Đã có quy định xử phạt đối với việc không chấp hành quy định về đăng ký doanh nghiệp.

46. Số liệu về xử lý vi phạm hành chính của doanh nghiệp:

Trong giai đoạn 2014-2018 đã có 1.622 doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, tổng số tiền phạt là 17.402.655.000 đồng. Số liệu của các địa phương thống kê cho thấy, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là 2 loại hình doanh nghiệp bị xử phạt nhiều nhất với tỷ lệ lần lượt là 48% và 46,6%. Hai loại hình doanh nghiệp này chiếm đến gần 95% tổng số doanh nghiệp vi phạm trên cả nước.

Về loại hành vi vi phạm, có tất cả 57 loại hành vi vi phạm khác nhau với tổng số 444 lượt vi phạm. Một số hành vi phổ biến nhất như: đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không đúng thời hạn quy định, không nộp báo cáo tài chính theo quy định, kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký, không gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính, và không góp đủ số vốn như đã đăng ký.

STT	Hành vi vi phạm	Số Lượng	Chiếm (%)
1	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp không đúng thời hạn quy định	120	27%
2	Không nộp báo cáo tài chính đúng thời hạn theo quy định	44	10%
3	Kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không trung thực, chính xác	35	8%
4	Không đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh khi không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký	28	6%
5	Không gắn tên doanh nghiệp tại trụ sở chính	25	6%

6	Không góp đủ số vốn như đã đăng ký	25	6%
7	Không công bố thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia	22	5%
8	Không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh về thời điểm, thời hạn ngừng kinh doanh	14	3%
9	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên	14	3%
10	Không công bố đúng thời hạn quy định nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	12	3%
11	Không góp đúng hạn số vốn đã đăng ký	10	2%
12	Không thực hiện đăng ký thay đổi địa chỉ hoạt động của Doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh	8	2%
13	Không lập sổ đăng ký thành viên	7	2%
16	Hành vi khác	80	18%
Tổng Số		444	100%

47. Do tỷ lệ sở cá nhân/tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp Việt Nam rất đáng kể, trong số đó, 25,6% cá nhân/tổ chức tham gia góp vốn vào doanh nghiệp Việt Nam là từ Hàn Quốc, 17,76% từ Trung Quốc, 11,37% từ Nhật Bản và người nước ngoài đến từ quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao chiếm khoảng 2% số nhà đầu tư¹², đây có thể là một thách thức đối với việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng (chủ sở hữu ẩn danh) cư trú tại các quốc gia, vùng lãnh thổ này, ngay cả với quy định bắt buộc phải có người đại diện theo ủy quyền của công ty là người cư trú tại Việt Nam.

48. Các tổ chức tài chính và ngành, nghề kinh doanh phi tài chính chỉ định DNFBP: Theo luật Phòng, chống rửa tiền, có quy định về yêu cầu cập nhật thông tin khách hàng (CDD) - bao gồm cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Tuy nhiên, không có sự giám sát dựa trên rủi ro đối với các tổ chức tài chính và không có sự giám sát PCRT/TTKB đối với lĩnh vực luật sư, công chứng, kế toán...

49. Các biện pháp kiểm soát khác: Các pháp nhân phải tuân thủ các quy định trong các Văn bản quy phạm pháp luật sau về đăng ký doanh nghiệp:

¹² Afghanistan, CHDCND Triều Tiên, Pakistan,....

- (a) Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014
 (b) Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006
 (c) Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 9 năm 2015
 (d) Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010

50. Theo quy định tại Điều 33 Luật Doanh nghiệp thì mọi tổ chức, cá nhân có khả năng tiếp cận thông tin kịp thời và trong hầu hết các trường hợp, thông tin về sở hữu ẩn danh là chính xác, nhưng trong một số trường hợp, các thỏa thuận đứng tên trên giấy tờ hoặc các cơ cấu, cấu trúc doanh nghiệp phức tạp đã được sử dụng để che giấu việc sở hữu tài sản ẩn danh, dẫn tới khó khăn trong việc xác định cá nhân cụ thể liên quan.

51. Dựa trên các tiêu chí trên, tính dễ bị tổn thương của các pháp nhân khác nhau được đánh giá như sau:

- Cấp độ 1 - Mức độ tổn thương thấp.
- Cấp độ 2 - Mức độ tổn thương là trung bình
- Cấp độ 3 - Mức độ dễ bị tổn thương cao

Bảng 10. Đánh giá mức độ tổn thương

Quy mô	Chủ sở hữu ẩn danh – cổ phiếu vô danh ¹³	Chủ sở hữu ẩn danh – quyền sở hữu nước ngoài/ Các quốc gia/vùng lãnh thổ có rủi ro cao	Chủ sở hữu ẩn danh – quan hệ sở hữu phức tạp/không rõ ràng	Thỏa thuận đứng tên trên giấy tờ	Mức độ đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin về sở hữu ẩn danh	Tổng thể tổn thương trung bình ¹⁴	
Công ty trách	3	1	2	1	2	2	1.3

¹³ Có khả năng thông qua sở hữu ở nước ngoài từ các quốc gia cho phép cổ phiếu nặc danh

¹⁴ Nếu vượt qua điểm giữa, sau đó đánh giá cấp độ tiếp theo, ví dụ: 2,5 là cao.

nhiệm hữu hạn một thành viên							
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	3	1	3	3	3	3	2.7
Doanh nghiệp tư nhân	1	1	1	1	1	1	1
Công ty cổ phần	2	1	2	3	3	3	2.3
Công ty hợp danh	1	1	1	1	1	1	1
	1.7						

H. HẬU QUẢ NẾU XÂY RA RỦI RO

52. Hậu quả xảy ra tùy thuộc vào mức độ tổn thương. Nhìn chung, hậu quả được đánh giá ở mức trung bình. Các tiêu chí và đánh giá được trình bày trong Bảng 11 dưới đây:

Bảng 11. Hậu quả

1 (Thấp)	2 (Trung bình)	3 (Cao)	Điểm
Rửa tiền có ảnh hưởng ở mức thấp đến danh tiếng, uy tín, hiệu quả tài chính, hoạt động của công ty, đến khách hang tiềm năng và / hoặc các cá nhân vô can có liên hệ với công ty.	Rửa tiền có ảnh hưởng vừa phải đến danh tiếng, uy tín, hiệu quả tài chính, hoạt động của công ty, đến khách hàng tiềm năng và / hoặc các cá nhân vô can có liên hệ với công ty..	Rửa tiền có ảnh hưởng đáng kể đến danh tiếng, uy tín, hiệu quả tài chính, hoạt động của công ty, đến khách hàng tiềm năng và / hoặc các cá nhân vô can có liên hệ với công ty..	3

Rửa tiền có tác động ở mức thấp đến danh tiếng, uy tín của cơ quan đăng ký kinh doanh, hình ảnh và mối quan hệ song phương của Việt Nam với quốc tế.	Rửa tiền có tác động vừa phải đến uy tín cơ quan đăng ký kinh doanh, nền kinh tế và cộng đồng Việt Nam.	Rửa tiền có tác động đáng kể đến uy tín của cơ quan đăng ký kinh doanh, nền kinh tế và cộng đồng Việt Nam.	2
Rửa tiền gây ra thiệt hại ở mức thấp cho các nỗ lực của Việt Nam nhằm chống lại nạn rửa tiền và tịch thu tài sản có được từ hoạt động tội phạm.	Rửa tiền gây ra thiệt hại vừa phải cho các nỗ lực của Việt Nam nhằm chống lại nạn rửa tiền và tịch thu tài sản có được từ hoạt động tội phạm.	Rửa tiền gây ra thiệt hại đáng kể cho các nỗ lực của Việt Nam nhằm chống lại nạn rửa tiền và tịch thu tài sản có được từ hoạt động tội phạm.	2
Xếp hạng tổng thể			2.3

53. Mức xếp hạng hậu quả tổng thể là trung bình. Mặc dù tác động đối với công ty và những người/khách hàng liên quan trên thực tế là cao, nhưng tác động trong lĩnh vực PCRT được đánh giá ở mức trung bình.

I.RỦI RO TỔNG THỂ

I. Rủi ro rửa tiền

54. Với việc xếp hạng trung bình (moderate) đối với các nguy cơ, tính dễ bị tổn thương và hậu quả, thì rủi ro của pháp nhân đối với tất cả các hạng mục được xếp hạng trung bình. Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh được đánh giá là có rủi ro rửa tiền thấp.

Bảng 12. Xếp hạng rủi ro rửa tiền

Pháp nhân	Xếp hạng nguy cơ	Xếp hạng tính dễ bị tổn thương	Xếp hạng hậu quả	Rủi ro rửa tiền
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

Công ty TNHH 2 thành viên trở lên	Trung bình	Cao	Trung bình	Trung bình
Doanh nghiệp tư nhân	Thấp	Thấp	Trung bình	Thấp
Công ty cổ phần	Trung bình	Cao	Trung bình	Trung bình
Công ty hợp danh	Thấp		Trung bình	Thấp
Điểm trung bình tổng thể	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình

II. Rủi ro tài trợ khủng bố

55. Do chưa có bất kỳ cuộc điều tra, khởi tố hay chuyển giao thông tin tình báo nào liên quan đến việc pháp nhân bị lợi dụng TTKB và báo cáo ĐGRRQG đã đánh giá rủi ro TTKB là thấp, đối với các pháp nhân, nguy cơ này được đánh giá thấp, tính dễ bị tổn thương và hậu quả cũng được đánh giá ở mức trung bình dựa trên các phân tích trên đây. Khả năng xảy ra rủi ro về TTKB là thấp, do đó, về tổng thể, xếp hạng rủi ro TTKB đối với pháp nhân được đánh giá là thấp.

J. PHÁP NHÂN LÀ CÁC TỔ CHỨC PHI LỢI NHUẬN

56. Rủi ro TTKB của TCPLN được đánh giá riêng biệt. Ở một mức độ hạn chế, đánh giá rủi ro này đã đánh giá rủi ro rửa tiền của TCPLN. Do chưa có bất kỳ cuộc điều tra, khởi tố hay chuyển giao thông tin tình báo nào về việc lợi dụng TCPLN cho các hoạt động RT, nguy cơ được đánh giá thấp, tính dễ bị tổn thương và hậu quả cũng được đánh giá ở mức trung bình dựa trên các phân tích trong đánh giá rủi ro TCPLN và kết luận trong báo cáo này. Nhìn chung, pháp nhân là TCPLN được đánh giá có rủi ro rửa tiền thấp. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, lừa đảo, đánh cắp thông tin và sử dụng TCPLN để tránh thuế (tax avoidance) là những nguy cơ chính với TCPLN.

K. KHUYẾN NGHỊ

57. Các cơ quan có thẩm quyền có liên quan cần nâng cao hiểu biết về nguy cơ tiềm ẩn lợi dụng pháp nhân đối với hoạt động rửa tiền, đặc biệt là những người che giấu chủ sở hữu ẩn danh thông qua việc chỉ định người sở hữu danh nghĩa hoặc kiểm soát nhằm che giấu chủ sở hữu thực sự của doanh nghiệp..

L. KẾT LUẬN

58. Sau khi cân nhắc mức độ nguy cơ (trung bình) và tính dễ bị tổn thương (trung bình), rủi ro chung của pháp nhân thương mại tại Việt Nam được xác định là TRUNG BÌNH đối với rửa tiền và THẤP đối với tài trợ khủng bố. Đối với các pháp nhân phi thương mại, rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố là THẤP.

M. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT NHỮNG RỦI RO

I. Mục tiêu

- Hoàn thiện các quy định về thành lập, quản lý doanh nghiệp, đầu tư tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực, tiêu chuẩn quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

- Kiểm soát, giảm thiểu rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố được xác định từ kết quả đánh giá rủi ro pháp nhân nêu trên.

- Phục vụ đánh giá đa phương của Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố đối với Việt Nam trong năm 2019-2020.

II. Nội dung Kế hoạch hành động

1. Rà soát, nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư đối với quy định về thành lập và quản lý của doanh nghiệp, quy định về đầu tư nhằm đáp ứng các khuyến nghị của FATF về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

- Đơn vị chủ trì: Vụ Pháp chế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Quản lý các khu kinh tế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Thời gian hoàn thành: năm 2020

2. Thực hiện phổ biến, tuyên truyền Kết quả đánh giá rủi ro pháp nhân cho các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp...

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Thời gian hoàn thành: nhiệm vụ thường xuyên

3. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện công tác đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Pháp chế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Thời gian hoàn thành: nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2020

4. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tăng cường hợp tác trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh với các cơ quan thực thi pháp luật nhằm chủ động ngăn chặn tội phạm nói chung và tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố nói riêng.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ Pháp chế, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Thời gian hoàn thành: năm 2020

5. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao hiệu quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo doanh nghiệp tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp cập nhật chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin về người quản lý doanh nghiệp, chủ sở hữu và cổ đông sáng lập của doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian hoàn thành: năm 2020

6. Thực hiện công bố và cảnh báo nội bộ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, theo danh sách cung cấp từ cơ quan công an, tòa án nhằm chủ động nắm thông tin đối với loại tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian hoàn thành: nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong năm 2020.

7. Tiếp tục mở rộng việc kết nối dữ liệu, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, địa phương thông qua Trực tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP); nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc thống kê, chia sẻ dữ liệu được nhanh chóng, kịp thời

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian hoàn thành: năm 2020

8. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp.

- Đơn vị chủ trì: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thời gian hoàn thành: nhiệm vụ thường xuyên./.